



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan  
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký**  
**Doanh nghiệp số** 0302017440 ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 1 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Danny Le	Chủ tịch
	Ông Trương Công Thắng	Thành viên
	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
	Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên

<b>Ủy ban Kiểm toán</b>	Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc

<b>Trụ sở đăng ký</b>	23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	--

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

## **Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

### **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 67 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 67.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00976-24-02



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>23.921.695.273.733</b>	<b>26.092.449.023.518</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.789.870.873.591</b>	<b>5.588.278.453.404</b>
Tiền	111		159.897.624.135	93.843.655.219
Các khoản tương đương tiền	112		5.629.973.249.456	5.494.434.798.185
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.908.122.525.558</b>	<b>1.403.814.717.880</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	2.592.779.525.558	1.202.171.717.880
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	2.315.343.000.000	201.643.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.989.266.253.040</b>	<b>16.526.609.661.885</b>
Phải thu của khách hàng	131	7	1.068.837.859.281	663.867.546.603
Trả trước cho người bán	132		297.602.347.854	328.055.851.416
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	3.492.430.547.940	6.047.191.980.732
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	6.130.395.497.965	9.487.494.283.134
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>2.178.374.332.996</b>	<b>2.501.747.857.460</b>
Hàng tồn kho	141		2.220.500.505.262	2.531.009.688.650
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(42.126.172.266)	(29.261.831.190)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>56.061.288.548</b>	<b>71.998.332.889</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.261.335.004	21.864.190.200
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.879.347.121	46.519.568.421
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.920.606.423	3.614.574.268

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>16.630.993.661.720</b>	<b>7.424.194.062.002</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.338.160.677.026</b>	<b>192.573.706.896</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	9.338.160.677.026	192.573.706.896
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.552.374.681.907</b>	<b>5.092.592.979.450</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.789.111.012.429	4.256.149.930.619
Nguyên giá	222		9.619.243.660.832	8.642.295.346.974
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.830.132.648.403)	(4.386.145.416.355)
Tài sản cố định vô hình	227	12	763.263.669.478	836.443.048.831
Nguyên giá	228		2.397.933.897.522	2.396.630.305.722
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.634.670.228.044)	(1.560.187.256.891)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>5.749.808.978</b>	<b>7.359.461.196</b>
Nguyên giá	231		18.627.973.918	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.878.164.940)	(11.268.512.722)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>275.199.403.100</b>	<b>810.614.752.363</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	275.199.403.100	810.614.752.363
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>294.757.072.601</b>	<b>249.391.858.906</b>
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	6(c)	294.757.072.601	249.391.858.906
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.164.752.018.108</b>	<b>1.071.661.303.191</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	644.959.073.099	667.880.246.079
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	16	394.126.932.594	250.748.144.987
Lợi thế thương mại	269	17	125.666.012.415	153.032.912.125
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>40.552.688.935.453</b>	<b>33.516.643.085.520</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>14.177.129.757.033</b>	<b>11.070.997.878.366</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.728.746.969.395</b>	<b>10.061.228.330.556</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	2.023.711.673.115	1.495.519.562.993
Người mua trả tiền trước	312		66.137.653.839	57.801.371.025
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	593.031.958.022	225.676.023.072
Phải trả người lao động	314		279.692.397	587.599.793
Chi phí phải trả	315	20	2.385.300.904.155	1.521.371.528.492
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	163.606.696.919	106.179.705.073
Vay ngắn hạn	320	22(a)	8.468.802.865.360	6.626.217.014.520
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		27.875.525.588	27.875.525.588
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>448.382.787.638</b>	<b>1.009.769.547.810</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	18	19.288.737.000	24.324.232.000
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	30.438.053.506	31.756.586.755
Vay dài hạn	338	22(b)	227.387.827.971	774.748.996.895
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	159.914.589.911	166.878.229.906
Dự phòng phải trả dài hạn	342		11.353.579.250	12.061.502.254
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>26.375.559.178.420</b>	<b>22.445.645.207.154</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>26.375.559.178.420</b>	<b>22.445.645.207.154</b>
Vốn cổ phần	411	24	7.274.618.790.000	7.274.618.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	3.610.328.815.858	3.610.328.815.858
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	24	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		8.323.564.190	7.418.664.660
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.124.127.868.061	12.263.423.092.167
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.038.963.882.667	6.816.958.384.098
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		7.085.163.985.394	5.446.464.708.069
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		595.870.151.594	527.565.855.752
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>40.552.688.935.453</b>	<b>33.516.643.085.520</b>

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:

  
**Phan Thị Thủy Hoa**  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  
**Huỳnh Việt Thăng**  
 Giám đốc Tài chính



  
**Nguyễn Hoàng Yến**  
 Đại diện theo ủy quyền

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	28.395.714.292.201	27.178.348.373.405
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	154.721.659.364	201.075.203.377
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>28.240.992.632.837</b>	<b>26.977.273.170.028</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	15.266.624.295.107	15.845.758.614.044
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>12.974.368.337.730</b>	<b>11.131.514.555.984</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.853.512.410.411	934.533.482.162
Chi phí tài chính	22	30	538.028.288.437	385.172.202.557
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		485.285.780.065	307.330.035.566
Phần lãi trong một công ty liên kết	24	6(c)	58.661.298.695	13.296.085.000
Chi phí bán hàng	25	31	5.328.084.292.551	4.527.142.745.516
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	925.673.676.418	900.917.485.901
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>8.094.755.789.430</b>	<b>6.266.111.689.172</b>
Thu nhập khác	31		9.577.037.619	3.300.140.266
Chi phí khác	32		5.486.220.370	26.050.918.673
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.090.817.249</b>	<b>(22.750.778.407)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>8.098.846.606.679</b>	<b>6.243.360.910.765</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	1.055.018.789.136	669.373.615.088
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	(150.342.427.602)	41.180.186.596
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>7.194.170.245.145</b>	<b>5.532.807.109.081</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)</b>	<b>60</b>		<b>7.194.170.245.145</b>	<b>5.532.807.109.081</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	61		7.085.163.985.394	5.451.118.633.692
Cổ đông không kiểm soát	62		109.006.259.751	81.688.475.389
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	9.888	7.612

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:

  
Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  
Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính

  
  
Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>8.098.846.606.679</b>	<b>6.243.360.910.765</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	655.993.278.154	814.270.399.742
Các khoản dự phòng	03	108.026.674.230	76.909.069.186
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.499.315.770	(88.121.775)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý, xóa sổ tài sản cố định và khoản đầu tư vào một công ty con	05	(7.562.851)	7.621.992.370
Thu nhập lãi và thu nhập khác từ các hoạt động đầu tư	05	(1.808.788.060.961)	(899.616.238.833)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(58.661.298.695)	(13.296.085.000)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	488.321.280.057	310.203.035.562
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>7.486.230.232.383</b>	<b>6.539.364.962.017</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(405.613.326.371)	(83.797.854.940)
Biến động hàng tồn kho	10	214.638.927.230	(323.700.694.346)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.526.486.553.528	(1.397.713.341.246)
Biến động chi phí trả trước	12	52.889.237.750	41.017.991.792
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(1.390.607.807.678)	(1.202.171.717.880)
		<b>7.484.023.816.842</b>	<b>3.572.999.345.397</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(496.972.593.124)	(294.397.896.986)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(731.465.659.511)	(789.711.507.804)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(4.697.076.597)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.255.585.564.207</b>	<b>2.484.192.864.010</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(573.174.002.924)	(1.243.183.928.156)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	3.885.569.813	3.638.838.655
Tiền chi cho vay	23	(826.000.000.000)	(190.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(27.315.650.815.035)	(11.061.143.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	519.500.000.000	-
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	19.620.210.815.035	2.013.875.000.000
Tiền thuần từ ngừng hợp nhất khoản đầu tư vào một công ty con và giao dịch với các cổ đông không kiểm soát	26	-	240.054.419.416
Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay, các khoản đầu tư khác và cổ tức	27	1.483.406.845.017	964.303.835.358
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.087.821.588.094)</b>	<b>(9.272.454.834.727)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	56.455.185.000
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ở công ty con	31	-	38.345.000.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	22.927.569.362.282	19.834.325.634.311
Tiền trả nợ gốc vay ngân hàng	34	(21.632.256.415.020)	(20.452.689.345.551)
Tiền chi trả cổ tức của Công ty và các công ty con	36	(261.545.703.173)	(113.973.663.980)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.033.767.244.089</b>	<b>(637.537.190.220)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>201.531.220.202</b>	<b>(7.425.799.160.937)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.588.278.453.404</b>	<b>13.013.125.962.658</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>(11.322.170)</b>	<b>(35.107.277)</b>
<b>Chênh lệch quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>72.522.155</b>	<b>986.758.960</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>5.789.870.873.591</b>	<b>5.588.278.453.404</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Thu hồi các khoản cho vay và lãi phải thu thông qua việc cần trừ với cổ tức phải trả	3.002.364.736.327	-
Chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	-	1.770.610.109.140

Ngày 1 tháng 3 năm 2024


Người lập:

  
Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  
Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính



  
Nguyễn Hoàng Yên  
Đại diện theo ủy quyền

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

**(b) Các hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình; và cung cấp dịch vụ phân phối theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2023: 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2023	1/1/2023	31/12/2023	1/1/2023
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan HPC	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Masan Innovation	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2023	1/1/2023	31/12/2023	1/1/2023
Các công ty con sở hữu gián tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(i) Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Masan PQ	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan Long An	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Ấp 2, Xã Thạnh Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi và gia vị	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2023	1/1/2023	31/12/2023	1/1/2023
7	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
8	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
9	Công ty TNHH Masan HN	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, gia vị và bao bì	Lô CN-08 và CN-14, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
10	Công ty TNHH Masan HG 2	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, đồ uống, gia vị và bao bì	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Phường Đồng Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
11	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	98,79%	98,79%	98,79%	98,79%
12	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	89,52%	89,52%	89,52%	89,52%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	89,52%	89,52%	99,999%	99,999%

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2023	1/1/2023	31/12/2023	1/1/2023
14	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%
15	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	(v) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	52,25%	52,25%	52,25%	52,25%
16	Công ty TNHH Hi-Fresh	(v) Kinh doanh và phân phối (vi)	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
17	Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro	(vi) Cung cấp dịch vụ giặt ủi	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>							
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các công ty con và công ty liên kết này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan.
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (iv) Công ty Cổ phần Bột giặt NET được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan HPC.
- (v) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan Innovation.
- (vi) Do thay đổi trong định hướng kinh doanh, trong tháng 6 năm 2023, Chủ tịch của Công ty TNHH Masan Innovation, công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty, đã phê duyệt quyết định về việc giải thể Công ty TNHH Hi-Fresh. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, việc giải thể đã được hoàn tất.

Trong năm, theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-DHĐCĐ-MS của các Cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty vào Công ty TNHH MasanConsumerHoldings, công ty mẹ của Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc sáp nhập vẫn chưa diễn ra.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 5.061 nhân viên (1/1/2023: 5.211 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 202"), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.





**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(v) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung**

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nổi tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ các giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc khi các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của các kỳ báo cáo trình bày gần nhất, cho các giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc các kỳ báo cáo tương ứng.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung**

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 3(l)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi cho giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 35 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 19 năm đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

**(iii) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng**

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 17 năm đến 30 năm.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Nhãn hiệu**

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của nhãn hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 30 năm. Giá trị hợp lý của nhãn hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhãn hiệu đó.

**(v) Quan hệ khách hàng**

Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mỗi quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 15 năm.

**(vi) Tài nguyên nước khoáng**

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 37 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                 |             |
|-----------------|-------------|
| ▪ nhà cửa       | 20 – 25 năm |
| ▪ cơ sở hạ tầng | 5 – 20 năm  |

**(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 năm đến 50 năm.

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng dao động từ 46 năm đến 47 năm.

**(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa**

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(iii) Chi phí sắp xếp khoản vay**

Chi phí sắp xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

**(m) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(o) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Vốn khác của chủ sở hữu**

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

**(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

*Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

*Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.



(tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản từ các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu về cho vay và các hoạt động đầu tư khác và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản thu nhập lãi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập và chi phí phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào từng bộ phận.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

**(w) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 4. Báo cáo bộ phận

### (a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh thành bốn bộ phận kinh doanh chính là thực phẩm, đồ uống, sản phẩm chăm sóc gia đình và cá nhân và các sản phẩm khác. Bộ phận Thực phẩm bao gồm gia vị và thực phẩm tiện lợi. Bộ phận kinh doanh khác bao gồm cho thuê nhà kho và các hoạt động khác.

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình		Khác		Hợp nhất	
	2023 VND	2022 (*) VND	2023 VND	2022 (*) VND	2023 VND	2022 (*) VND	2023 VND	2022 (*) VND	2023 VND	2022 (*) VND
Tổng doanh thu của bộ phận - thuần	19.447.477.993.426	19.024.685.354.380	6.492.071.053.579	6.179.427.802.519	2.069.957.443.070	1.569.114.792.073	231.486.142.762	204.045.221.056	28.240.992.632.837	26.977.273.170.028
Kết quả kinh doanh của bộ phận	5.585.132.354.656	4.484.477.870.040	1.568.779.079.524	1.542.445.706.580	(88.301.645.840)	16.697.991.210	85.253.649.777	39.759.102.729	7.150.863.438.117	6.083.380.670.559
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ									(371.591.770.661)	(366.630.260.992)
Doanh thu hoạt động tài chính									1.853.512.410.411	934.533.482.162
Chi phí tài chính									(538.028.288.437)	(385.172.202.557)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh									8.094.755.789.430	6.266.111.689.172
Thu nhập khác									9.577.037.619	3.300.140.266
Chi phí khác									(5.486.220.370)	(26.050.918.673)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									(904.676.361.534)	(710.553.801.684)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									7.194.170.245.145	5.532.807.109.081

(\*) Một vài số liệu được phân loại lại cho mục đích so sánh.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Thực phẩm		Đồ uống		Sản phẩm chăm sóc gia đình		Hợp nhất	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản bộ phận	5.763.914.757.228	6.061.217.312.836	2.301.160.142.943	2.485.099.017.086	1.076.142.090.123	1.142.748.260.755	9.141.216.990.294	9.689.064.590.677
Tài sản không phân bổ							31.411.471.945.159	23.827.578.494.843
<b>Tổng tài sản</b>							<b>40.552.688.935.453</b>	<b>33.516.643.085.520</b>
Nợ phải trả bộ phận	1.986.673.262.290	1.566.471.651.304	923.390.677.707	538.029.940.485	444.843.576.925	323.937.928.398	3.354.907.516.922	2.428.439.520.187
Nợ phải trả không phân bổ							10.822.222.240.111	8.642.558.358.179
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>14.177.129.757.033</b>	<b>11.070.997.878.366</b>
	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Chi tiêu vốn	359.843.975.828	853.860.039.613	134.714.769.688	359.864.556.246	21.687.649.552	4.247.818.197	516.246.395.068	1.217.972.414.056
Chi tiêu vốn không phân bổ							82.013.082.454	38.285.553.753
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	387.278.685.310	482.858.841.527	138.089.701.711	151.337.077.469	23.182.296.559	24.617.619.546	548.550.683.580	658.813.538.542
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ							5.592.723.711	4.671.686.840
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	24.933.464.552	39.216.396.843	62.441.404.404	84.248.789.612	36.513.906.693	35.596.177.625	123.888.775.649	159.061.364.080
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ							61.799.952.793	52.707.880.718

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	693.460.555	1.050.088.807
Tiền gửi ngân hàng	159.204.163.580	92.793.566.412
Các khoản tương đương tiền	5.629.973.249.456	5.494.434.798.185
	<hr/>	
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	5.789.870.873.591	5.588.278.453.404
	<hr/>	

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

**6. Đầu tư tài chính**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Chứng khoán kinh doanh (a)	2.592.779.525.558	1.202.171.717.880
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	2.315.343.000.000	201.643.000.000
	<hr/>	
	4.908.122.525.558	1.403.814.717.880
	<hr/>	
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	294.757.072.601	249.391.858.906
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023				1/1/2023			
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu doanh nghiệp do các bên thứ ba phát hành	13.512.100	2.592.779.525.558	-	(*)	12.000.000	1.202.171.717.880	-	(*)

Tập đoàn mua các trái phiếu này với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại là từ 8 tháng đến 22 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất từ 10% - 13,78%/năm. Một số trái phiếu trong các trái phiếu này được đảm bảo bởi tài sản của bên thứ ba. Tập đoàn có cam kết từ một bên liên quan sẽ mua lại một số trái phiếu trước thời điểm cuối tháng 1 năm 2024 và việc mua lại này đã được thực hiện trong tháng 1 năm 2024 theo cam kết này. Đối với các trái phiếu còn lại, Tập đoàn có cam kết khác từ bên liên quan này sẽ mua lại số trái phiếu trước ngày 12 tháng 4 năm 2024.

- (\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.315.343.000.000	201.643.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư vào một công ty liên kết**

	31/12/2023			1/1/2023		
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”)	2.659.217	32,83%	294.757.072.601	2.659.217	32,83%	249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết có thể khác với giá trị ghi sổ.

Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động kinh doanh chính của CLX.

Biến động của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết trong năm như sau:

	2023 VND
Số dư đầu năm	249.391.858.906
Phân lợi nhuận phát sinh sau ngày mua trong năm	58.661.298.695
Cổ tức được nhận liên quan đến giai đoạn sau ngày mua	(13.296.085.000)
Số dư cuối năm	294.757.072.601



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Phải thu từ các bên liên quan	803.765.279.555	382.713.005.733
Phải thu từ các bên thứ ba	265.072.579.726	281.154.540.870
	<hr/> 1.068.837.859.281	<hr/> 663.867.546.603

Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

**8. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan	3.492.430.547.940	6.047.191.980.732

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong từng hợp đồng. Các khoản cho vay này đáo hạn trong tháng 12 năm 2024. Lãi cho vay được thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày hoàn trả hoặc ngày đáo hạn của các khoản cho vay này. Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lãi dự thu ngắn hạn từ cho vay (i)	261.021.238.351	-
▪ Ký quỹ ngắn hạn (ii)	67.199.190.493	54.871.988.576
▪ Phải thu khác	-	43.814.136
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	5.510.000.000.000	9.015.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	219.064.383.561	347.321.164.376
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	37.931.472.100	28.874.209.236
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	3.734.823.560	33.849.261.670
Phải thu khác	31.444.389.900	7.533.845.140
	6.130.395.497.965	9.487.494.283.134

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các khoản đặt cọc dài hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	9.086.740.000.000	-
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	32.426.304.000	-
Phải thu từ một hợp đồng hợp tác kinh doanh (iv)	188.300.000.000	182.300.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	30.694.373.026	10.273.706.896
	9.338.160.677.026	192.573.706.896

- (i) Các khoản phải thu này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản vay cấp cho các bên liên quan. Xem Thuyết minh 8 và Thuyết minh 35 để biết thêm thông tin.
- (ii) Ký quỹ ngắn hạn phản ánh khoản đặt cọc với một bên liên quan cho việc thuê kho.
- (iii) Các khoản phải thu này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba này cam kết trả cho Tập đoàn mức lợi nhuận tối thiểu theo thỏa thuận trong từng hợp đồng hợp tác đầu tư.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (iv) Năm 2021, một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) với một bên thứ ba để hợp tác sản xuất nước mắm cốt trong thời hạn 5 năm. Theo đó, công ty con này góp vốn vào BCC bằng tiền cho mục đích chi tiêu vốn. Bên thứ ba đóng góp quyền sử dụng toàn bộ đất đai, nhà xưởng, nhà kho, máy móc, thiết bị và các cơ sở hạ tầng liên quan. Công ty con này và bên thứ ba sẽ được chia lợi nhuận của BCC theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

## 10. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	49.798.915.692	-	105.747.622.863	-
Nguyên vật liệu	1.039.041.247.106	(33.682.759.735)	1.217.432.443.405	(17.539.183.873)
Công cụ và dụng cụ	77.921.023.881	-	77.536.763.185	(1.197.147.302)
Sản phẩm dở dang	164.338.825.097	-	209.765.004.307	-
Thành phẩm	779.596.999.121	(8.443.412.531)	846.757.477.607	(10.509.751.502)
Hàng hóa	109.803.494.365	-	68.186.986.806	(15.748.513)
Hàng gửi đi bán	-	-	5.583.390.477	-
	2.220.500.505.262	(42.126.172.266)	2.531.009.688.650	(29.261.831.190)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	29.261.831.190	37.654.256.409
Tăng dự phòng trong năm	110.237.962.896	82.682.297.477
Sử dụng dự phòng trong năm	(95.870.256.158)	(82.668.524.669)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.503.365.662)	(5.836.173.323)
Ngừng hợp nhất một công ty con	-	(2.570.024.704)
Số dư cuối năm	42.126.172.266	29.261.831.190

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 42.126 triệu VND (1/1/2023: 29.262 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	2.741.198.228.109	59.361.231.666	5.706.860.256.188	32.536.404.193	102.339.226.818	8.642.295.346.974
Tăng trong năm	255.735.300	-	2.447.528.583	482.000.000	35.800.000	3.221.063.883
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	55.487.133.202	-	1.021.941.564.966	4.769.079.738	3.657.902.056	1.085.855.679.962
Thanh lý	(1.487.605.193)	(19.466.337.742)	(54.037.432.331)	(6.990.631.707)	(1.779.717.049)	(83.761.724.022)
Xóa sổ	(32.538.645)	(20.311.838.036)	(8.022.329.284)	-	-	(28.366.705.965)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.795.420.952.773</b>	<b>19.583.055.888</b>	<b>6.669.189.588.122</b>	<b>30.796.852.224</b>	<b>104.253.211.825</b>	<b>9.619.243.660.832</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	759.540.750.758	59.361.231.666	3.477.772.251.755	16.087.617.923	73.383.564.253	4.386.145.416.355
Khấu hao trong năm	107.143.276.280	-	432.992.255.582	3.956.222.936	8.442.000.275	552.533.755.073
Thanh lý	(1.403.752.635)	(19.466.337.742)	(51.395.450.236)	(6.632.190.803)	(1.562.078.323)	(80.459.809.739)
Xóa sổ	(9.453.796)	(20.311.838.036)	(7.765.421.454)	-	-	(28.086.713.286)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>865.270.820.607</b>	<b>19.583.055.888</b>	<b>3.851.603.635.647</b>	<b>13.411.650.056</b>	<b>80.263.486.205</b>	<b>4.830.132.648.403</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.981.657.477.351	-	2.229.088.004.433	16.448.786.270	28.955.662.565	4.256.149.930.619
Số dư cuối năm	1.930.150.132.166	-	2.817.585.952.475	17.385.202.168	23.989.725.620	4.789.111.012.429

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản cố nguyên giá là 1.601.560 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 1.297.724 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Nhãn hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu năm	119.085.818.402	305.218.219.691	76.959.571.667	1.085.327.898.373	397.341.034.078	412.697.763.511	2.396.630.305.722
Tăng trong năm	-	208.820.000	-	-	-	-	208.820.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.816.329.800	-	-	-	-	1.816.329.800
Giảm khác	-	-	(721.558.000)	-	-	-	(721.558.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>119.085.818.402</b>	<b>307.243.369.491</b>	<b>76.238.013.667</b>	<b>1.085.327.898.373</b>	<b>397.341.034.078</b>	<b>412.697.763.511</b>	<b>2.397.933.897.522</b>
<b>Gía trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	46.961.603.093	275.064.259.076	30.243.205.130	679.681.971.307	367.099.758.073	161.136.460.212	1.560.187.256.891
Khấu hao trong năm	2.953.213.512	20.786.754.453	2.796.528.067	22.726.925.729	5.671.498.404	19.548.050.988	74.482.971.153
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>49.914.816.605</b>	<b>295.851.013.529</b>	<b>33.039.733.197</b>	<b>702.408.897.036</b>	<b>372.771.256.477</b>	<b>180.684.511.200</b>	<b>1.634.670.228.044</b>
<b>Gía trị còn lại</b>							
Số dư đầu năm	72.124.215.309	30.153.960.615	46.716.366.537	405.645.927.066	30.241.276.005	251.561.303.299	836.443.048.831
Số dư cuối năm	69.171.001.797	11.392.355.962	43.198.280.470	382.919.001.337	24.569.777.601	232.013.252.311	763.263.669.478

Trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá 1.173.232 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 887.757 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	18.016.283.093	611.690.825	18.627.973.918
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	11.082.182.048	186.330.674	11.268.512.722
Khấu hao trong năm	1.546.004.760	63.647.458	1.609.652.218
Số dư cuối năm	12.628.186.808	249.978.132	12.878.164.940
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	6.934.101.045	425.360.151	7.359.461.196
Số dư cuối năm	5.388.096.285	361.712.693	5.749.808.978

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê chưa được xác định vì Tập đoàn chưa thực hiện việc định giá.

Trong bất động sản đầu tư của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 9.447 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 9.447 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	810.614.752.363
Tăng trong năm	590.169.960.997
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.085.855.679.962)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.816.329.800)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(37.617.200.498)
Thanh lý	(296.100.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>275.199.403.100</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Máy móc và thiết bị	210.966.002.951	637.988.338.119
Nhà cửa và vật kiến trúc	7.678.018.468	126.909.501.231
Khác	56.555.381.681	45.716.913.013
	<b>275.199.403.100</b>	<b>810.614.752.363</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng VND</b>	<b>Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí sắp xếp khoản vay VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	568.453.762.061	9.403.113.463	78.512.064.988	11.511.305.567	667.880.246.079
Tăng trong năm	-	-	25.085.474.598	-	25.085.474.598
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	37.617.200.498	-	37.617.200.498
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	30.250.000	-	30.250.000
Phân bổ trong năm	(13.773.944.001)	(3.134.371.151)	(61.274.209.098)	(5.656.333.329)	(83.838.857.579)
Thanh lý	-	-	(545.228.488)	-	(545.228.488)
Xóa sổ	-	-	(1.261.494.171)	-	(1.261.494.171)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	(8.517.838)	-	(8.517.838)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>554.679.818.060</b>	<b>6.268.742.312</b>	<b>78.155.540.489</b>	<b>5.854.972.238</b>	<b>644.959.073.099</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, một số chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	276.031.089.578	-	152.534.227.134	-
Chi phí kho vận phải trả	19.743.801.488	-	17.253.390.773	-
Chiết khấu thương mại phải trả	9.023.342.566	-	9.889.377.519	-
Các khoản chi phí phải trả khác và dự phòng	56.090.836.797	(438.405.628)	28.440.734.928	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	33.428.968.822	-	42.630.414.633	-
Tài sản cố định hữu hình	(191.106.657)	(7.460.294.627)	-	(7.883.669.190)
Tài sản cố định vô hình	-	(152.015.889.656)	-	(158.994.560.716)
	394.126.932.594	(159.914.589.911)	250.748.144.987	(166.878.229.906)

**17. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	750.964.625.546
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	597.931.713.421
Phân bổ trong năm	27.366.899.710
Số dư cuối năm	625.298.613.131
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	153.032.912.125
Số dư cuối năm	125.666.012.415





**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2023</b> <b>Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND</b>
Phải trả cho các bên thứ ba	1.716.444.041.448	1.360.413.359.945
Phải trả cho các bên liên quan	326.556.368.667	159.430.435.048
	<hr/> 2.043.000.410.115	<hr/> 1.519.843.794.993
Trong đó:		
- Ngắn hạn	2.023.711.673.115	1.495.519.562.993
- Dài hạn	19.288.737.000	24.324.232.000
	<hr/> 2.043.000.410.115	<hr/> 1.519.843.794.993

Xem thêm Thuyết minh 35 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/ Hoàn lại VND	Phân loại lại VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	54.526.443.388	4.654.537.263.782	(853.004.150.414)	(3.755.243.724.573)	-	100.815.832.183
Thuế xuất nhập khẩu	-	31.620.098.386	(31.620.098.386)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.213.798.814	1.055.018.789.136	(731.465.659.511)	-	(2.728.399.426)	484.038.529.013
Thuế thu nhập cá nhân	6.075.763.060	137.279.592.356	(117.288.412.450)	(21.934.816.495)	2.874.651.652	7.006.778.123
Các loại thuế khác	1.860.017.810	161.188.791.457	(161.877.990.564)	-	-	1.170.818.703
	225.676.023.072	6.039.644.535.117	(1.895.256.311.325)	(3.777.178.541.068)	146.252.226	593.031.958.022

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.423.832.535.929	795.007.028.724
Thưởng và lương tháng 13	286.519.904.907	216.914.450.978
Phải trả mua hàng hóa	157.122.404.546	136.490.994.684
Chi phí trưng bày	105.491.746.264	30.866.532.380
Chi phí kho vận	103.235.208.936	89.456.440.246
Chiết khấu thương mại	47.908.590.925	49.446.887.596
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	43.905.616.688	33.514.858.628
Chi phí công nghệ thông tin	36.874.662.212	23.662.966.359
Chi phí lãi vay	20.147.882.808	34.555.531.409
Chi phí nghiên cứu thị trường	11.622.522.038	6.997.977.043
Chi phí khác	148.639.828.902	104.457.860.445
	<b>2.385.300.904.155</b>	<b>1.521.371.528.492</b>

**21. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	48.033.250.000	-
Cổ tức phải trả	11.235.335.600	9.984.601.600
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.468.159.688	8.553.330.849
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	2.227.592.736	2.954.492.736
Phải trả khác	98.642.358.895	84.687.279.888
	<b>163.606.696.919</b>	<b>106.179.705.073</b>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	30.438.053.506	31.756.586.755



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 22. Vay

### (a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			31/12/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	
Vay ngắn hạn	6.012.686.646.185	22.847.868.263.015	(20.983.470.018.131)	(88.265.346)	7.876.996.625.723
Vay dài hạn đến hạn trả	613.530.368.335	591.806.239.637	(613.530.368.335)	-	591.806.239.637
	6.626.217.014.520	23.439.674.502.652	(21.597.000.386.466)	(88.265.346)	8.468.802.865.360

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	2,8% - 5,0%	7.846.351.914.554	5.869.909.782.253
▪ Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	3,2%	30.644.711.169	142.776.863.932
			7.876.996.625.723	6.012.686.646.185

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	819.194.067.608	1.388.279.365.230
Khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(591.806.239.637)	(613.530.368.335)
Khoản vay đến hạn trả sau 12 tháng	227.387.827.971	774.748.996.895

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại</b> <b>tiền tệ</b>	<b>Lãi suất</b> <b>năm</b>	<b>Năm</b> <b>đáo hạn</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
▪ Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,6% - 10,4%	2024 - 2025	819.194.067.608	1.388.279.365.230

Khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 1.046.041 triệu VND, 14.355 triệu VND và 35.124 triệu VND (1/1/2023: lần lượt là 808.731 triệu VND, 291.966 triệu VND và 35.965 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, các khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của các công ty con trong Tập đoàn cũng được bảo lãnh bởi Công ty.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Tập đoàn không có khoản vay quá hạn bao gồm nợ gốc và lãi.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	6.989.018.595	22.731.972.844	6.816.958.384.098	590.964.125.113	17.005.693.937.381
Phát hành cổ phiếu	6.680.610.000	49.774.575.000	-	-	-	-	-	-	56.455.185.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	5.451.118.633.692	81.688.475.389	5.532.807.109.081
Tăng vốn cổ phần trong một công ty con	-	-	-	-	-	-	-	38.345.000.000	38.345.000.000
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(95.089.096.480)	(95.089.096.480)
Ngừng hợp nhất một công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(96.919.860.885)	(96.919.860.885)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(4.653.925.623)	8.577.210.623	3.923.285.000
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	-	429.646.065	-	-	1.992	429.648.057
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>7.274.618.790.000</b>	<b>3.610.328.815.858</b>	<b>(265.775.657.006)</b>	<b>(994.666.327.121)</b>	<b>7.418.664.660</b>	<b>22.731.972.844</b>	<b>12.263.423.092.167</b>	<b>527.565.855.752</b>	<b>22.445.645.207.154</b>



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	7.418.664.660	22.731.972.844	12.263.423.092.167	527.565.855.752	22.445.645.207.154
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	7.085.163.985.394	109.006.259.751	7.194.170.245.145
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	(3.224.459.209.500)	-	(3.224.459.209.500)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(40.701.964.000)	(40.701.964.000)
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ	-	-	-	-	904.899.530	-	-	91	904.899.621
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	8.323.564.190	22.731.972.844	16.124.127.868.061	595.870.151.594	26.375.559.178.420

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	727.461.879	7.274.618.790.000	727.461.879	7.274.618.790.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		3.610.328.815.858		3.610.328.815.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động số cổ phiếu hiện đang lưu hành trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm – hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	715.878.430	7.158.784.300.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	668.061	6.680.610.000
<b>Số dư cuối năm – hiện đang lưu hành</b>	<b>716.546.491</b>	<b>7.165.464.910.000</b>	<b>716.546.491</b>	<b>7.165.464.910.000</b>

**25. Cổ tức**

Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và Hội đồng Quản trị của Công ty lần lượt vào ngày 24 tháng 4 năm 2023 và ngày 7 tháng 7 năm 2023 đã thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 3.224.459 triệu VND (2022: không).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng 1 năm	168.579.253.918	95.359.587.077
Trong vòng 2 đến 5 năm	215.659.182.231	70.502.619.625
Sau 5 năm	264.509.656.854	284.273.062.662
	648.748.093.003	450.135.269.364

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tập đoàn có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	121.826.844.274	266.292.999.337
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	146.832.859.611	308.788.352.300
	268.659.703.885	575.081.351.637

**(c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.419.958	58.318.931.581	630.464	14.758.126.880
EUR	191	5.055.815	202	4.983.736
THB	58.898.301	40.286.433.146	45.255.027	29.823.058.621
		98.610.420.542		44.586.169.237



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	28.259.132.728.469	27.074.705.589.790
▪ Doanh thu khác	136.581.563.732	103.642.783.615
	<hr/> 28.395.714.292.201	<hr/> 27.178.348.373.405
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	102.117.937.128	94.595.670.924
▪ Hàng bán bị trả lại	52.603.722.236	106.479.532.453
	<hr/> 154.721.659.364	<hr/> 201.075.203.377
Doanh thu thuần	<hr/> 28.240.992.632.837	<hr/> 26.977.273.170.028

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán	15.095.078.905.809	15.645.513.344.636
▪ Giá vốn khác	62.810.792.064	123.399.145.254
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	108.734.597.234	76.846.124.154
	<hr/> 15.266.624.295.107	<hr/> 15.845.758.614.044

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư khác	1.402.516.943.732	627.328.321.290
Thu nhập lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	403.086.185.722	272.287.917.543
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên thứ ba vay	3.184.931.507	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	44.724.349.450	34.917.243.329
	<hr/> 1.853.512.410.411 <hr/>	<hr/> 934.533.482.162 <hr/>

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	485.285.780.065	307.330.035.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	34.080.765.377	46.175.725.060
Chi phí đi vay	3.035.499.992	2.872.999.996
Chi phí khác	15.626.243.003	28.793.441.935
	<hr/> 538.028.288.437 <hr/>	<hr/> 385.172.202.557 <hr/>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	3.756.241.798.966	3.015.416.983.635
Chi phí kho vận	757.906.554.602	839.223.610.343
Chi phí nhân viên	498.971.460.939	500.970.049.848
Chi phí trưng bày	163.663.335.373	46.538.728.773
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	28.435.523.940	48.966.751.027
Chi phí nghiên cứu thị trường	43.296.900.258	16.273.363.715
Chi phí khác	79.568.718.473	59.753.258.175
	<b>5.328.084.292.551</b>	<b>4.527.142.745.516</b>

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	412.210.469.562	410.879.640.007
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	73.934.442.305	97.557.649.628
Chi phí nghiên cứu và phát triển	83.736.851.248	79.947.780.164
Chi phí thuê văn phòng	57.875.888.034	70.813.506.602
Khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn và bất động sản đầu tư	53.723.143.152	57.505.837.808
phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	27.366.899.710	56.483.755.359
Phân bổ lợi thế thương mại	34.044.179.103	46.773.916.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.781.803.304	80.955.399.512
Chi phí khác	925.673.676.418	900.917.485.901





**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.053.878.525.133	675.300.683.622
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.140.264.003	(5.927.068.534)
	<hr/> 1.055.018.789.136	<hr/> 669.373.615.088
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(150.342.427.602)	41.180.186.596
	<hr/> 904.676.361.534	<hr/> 710.553.801.684

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.098.846.606.679	6.243.360.910.765
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.619.769.321.336	1.248.672.182.153
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(1.717.226.010)	(4.625.722.462)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(713.203.711.097)	(530.531.361.372)
Thu nhập không chịu thuế	(2.332.597.301)	-
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(11.732.259.739)	(2.659.217.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.238.605.188	10.373.490.929
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	1.140.264.003	(5.927.068.534)
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	5.473.379.958	11.296.751.077
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (*)	3.040.585.196	1.558.399.127
Thay đổi khác trong chênh lệch tạm thời	-	(18.664.434.701)
Ảnh hưởng từ ngừng hợp nhất một công ty con	-	1.060.782.467
	<hr/> 904.676.361.534	<hr/> 710.553.801.684

- (\*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận tại một số công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản mục này.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Một số công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **34. Lãi trên cổ phiếu**

#### **(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 7.085.164 triệu VND (2022: 5.451.119 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 716.546.491 cổ phiếu (2022: 716.132.842 cổ phiếu), được tính như sau:

#### **(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.085.163.985.394	5.451.118.633.692

#### **(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2023</b> <b>Số cổ phiếu</b>	<b>2022</b> <b>Số cổ phiếu</b>
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm		
– hiện đang lưu hành	716.546.491	715.878.430
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trong năm	-	254.412
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	716.546.491	716.132.842
– hiện đang lưu hành		

#### **(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.888	7.612

#### **(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	137.082.611	203.421.872	-	18.881.346
	Phí hỗ trợ quản lý	882.162.425	6.961.885.607	-	10.088.159.277
	Phí dịch vụ mua ngoài phân bổ	11.372.386.989	-	(11.288.691.491)	-
<b>Công ty mẹ cấp cao</b>					
Công ty Cổ phần CrownX	Bán hàng hóa	88.863.896	622.914	97.750.286	-
	Mua dịch vụ	19.177.897.430	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	6.184.540.884	-	(6.679.304.155)



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b> Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức đã công bố	3.021.089.152.500	-	-	-
	Cho vay	190.000.000.000	1.960.610.109.140	3.356.430.547.940	6.047.191.980.732
	Thu nhập lãi cho vay	400.339.281.615	269.620.424.393	258.274.334.244	-
	Thu hồi các khoản cho vay và lãi phải thu thông qua cần trừ với cổ tức phải trả	3.002.364.736.327	-	-	-
	Thu hồi các khoản cho vay bằng tiền	19.500.000.000	-	-	-
	Thu hồi lãi cho vay bằng tiền mặt	961.643.836	-	-	-
	Cổ tức đã trả bằng tiền	18.724.416.173	-	-	-
	Tiền thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	315.033.720.000	-	-
<b>Công ty liên kết</b> Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được sau ngày mua	13.296.085.000	13.296.085.000	-	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Các bên liên quan khác</b>					
Công ty Cổ phần Masan JinJu (“MSJ”) và chi nhánh (từ tháng 10 năm 2022)	Bán hàng hóa	115.642.471.462	34.276.977.663	-	5.428.719.336
	Mua hàng hóa	174.148.845.162	439.020.868.191	(42.305.491.322)	(146.162.162.871)
	Cung cấp dịch vụ phân phối	60.893.605.576	-	-	-
	Phải trả tiền bán hàng thu hộ của dịch vụ phân phối	-	-	(269.362.001.707)	-
	Phí hỗ trợ bán hàng và giao hàng của dịch vụ phân phối	92.907.267.069	-	-	-
	Mua tài sản cố định	420.913.690	-	-	-
	Thu hồi khoản cho vay bằng tiền	-	291.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	-	2.667.493.150	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	6.962.809.514	1.509.308.583	8.252.972.975	43.814.136
Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	-	1.392.392	-	181.412
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	121.575.798	55.737.068	15.179.972	12.191.338
	Cho vay	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	135.616.438	-	135.616.438	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	661.452.405	13.187.030.020	-	3.337.160.542
	Mua hàng hóa	928.970.484	9.404.455.886	(7.530.001)	(633.006.000)
	Phí hỗ trợ quản lý	54.527.767.767	35.540.419.406	59.202.736.386	43.423.973.251
	Cho vay	46.000.000.000	-	46.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	2.611.287.669	-	2.611.287.669	-



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	197.070.250	2.701.644.142	32.819.972	12.517.422
	Mua hàng hóa và dịch vụ	7.096.157.868	4.009.729.325	(686.112.379)	(552.827.601)
	Mua tài sản cố định	-	658.119.415	-	(559.266.341)
	Phí hỗ trợ quản lý	152.424.394	152.467.607	164.618.346	2.654.132.879
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Mua dịch vụ	4.536.000.000	-	(2.289.836.809)	-
	Phí hỗ trợ quản lý	481.224.446	1.705.044.885	519.722.402	1.841.448.476
	Đặt cọc thuê kho	12.327.201.917	54.871.988.576	67.199.190.493	54.871.988.576
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	28.951.509	35.686.364	2.178.000	5.576.728
	Phí hỗ trợ quản lý	21.867.558.287	40.311.911.535	24.054.314.116	44.338.995.834
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Phí hỗ trợ quản lý	-	377.092.445	-	73.923.379
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa và dịch vụ	268.596.582	36.339.060.845	189.202.323	39.480.000
	Bán tài sản cố định	-	30.000.000	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	62.566.250	50.915.043.441	-	-
	Mua tài sản cố định	-	186.781.103.729	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	5.791.448.325	-	1.592.653.552
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa và dịch vụ	163.661.924	2.308.790.725	-	79.417.000
	Mua hàng hóa	1.734.332.867	24.771.872.183	(547.101.800)	(92.918.733)
	Phí hỗ trợ quản lý	-	3.879.530.906	-	1.991.201.521
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa và dịch vụ	49.647.548	1.339.409.731	8.075.000	15.397.130
	Mua hàng hóa	33.148.791	37.012.747.140	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	184.581.341	-	147.846.759

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Bán hàng hóa	21.909.930	2.086.838	12.344.070	-
	Mua hàng hóa	-	13.219.612.800	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.039.851.344	1.524.892.691	147.621.167	318.612.735
	Phí hỗ trợ quản lý	139.088.070	122.030.349	152.996.877	999.463.463
Jinju Ham Company Limited	Góp vốn	-	38.344.780.000	-	-
	Cổ tức đã công bố	-	38.344.787.200	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Bán hàng hóa	1.469.296.862.079	1.118.826.761.706	629.797.907.880	254.999.528.515
	Bán tài sản cố định	931.320.407	-	1.024.452.448	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	361.788.024.986	217.592.394.769	(40.169.100)	(3.525.947.783)
	Mua tài sản cố định	1.522.851.000	-	-	-
	Trả trước tiền hàng	240.179.500	-	240.179.500	-
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	19.680.961.961	23.400.773.330	6.886.915.115	3.342.739.292
	Chiết khấu thanh toán và các khoản hỗ trợ bán hàng khác phải trả	23.101.616.176	19.187.456.253	-	-
	Phải thu thu hộ dịch vụ phân phối	-	-	67.572.186.586	-
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	17.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco	Bán hàng hóa	-	-	-	7.572.247
	Mua hàng hóa	7.857.674.500	7.644.407.463	(302.960.000)	(586.696.000)
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	703.008.870	811.032.816	234.007.780	74.344.675

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa và dịch vụ	10.645.102.479	17.966.668.052	1.221.745.500	4.996.732.505
	Mua hàng hóa	1.730.731.639	8.931.082.113	(688.457.286)	(871.192.978)
	Phí hỗ trợ quản lý	1.438.215.492	1.889.883.833	1.553.272.731	2.041.074.540
Công ty Cổ phần Mobicast	Bán hàng hóa	-	9.238.570	-	9.977.656
	Mua dịch vụ	5.660.418.990	4.669.694.202	(240.824.372)	(203.500.568)
Công ty Cổ phần Surpa	Bán hàng hóa	238.214.559	126.046.020	23.389.399	13.376.167
	Bán tài sản cố định	21.000.000	-	-	-
	Mua dịch vụ	450.096.070	653.654.856	-	(117.585.596)
	Phí hỗ trợ quản lý	1.650.296.993	747.895.144	1.782.320.752	807.726.756
	Phải trả khác	3.000.000	-	(3.000.000)	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (*)	Mua chứng khoán kinh doanh	2.592.779.525.558	3.087.046.500.000	-	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.202.171.717.880	1.859.179.000.000	-	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt (**)</b>	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	64.187.364.312	74.565.470.035	-	-

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty và các công ty con có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam ("Techcombank"), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(\*\*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không nhận thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của các bên liên quan với giá trị ghi sổ là 198.322 triệu VND (1/1/2023: 344.650 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(\*\*) Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng đã chi trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Họ tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
<i>Phí và thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên	-	-
<b>Ủy ban Kiểm toán</b>			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
<b>Ban Giám đốc</b>			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	7.000.474.708	6.592.776.987

### 36. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 12 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào tháng 4 năm 2023. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc phát hành cổ phiếu phổ thông theo ESOP đã hoàn tất.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 1 tháng 3 năm 2024


Người lập:

  
Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  
Huỳnh Việt Thắng  
Giám đốc Tài chính



  
Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền





**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023





**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 31 tháng 1 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Danny Le  
Ông Trương Công Thắng  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Nguyễn Thiệu Quang  
Bà Nguyễn Thị Thu Hà  
Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ủy ban Kiểm toán**

Bà Nguyễn Thu Hiền  
Ông Nguyễn Thiệu Quang

Chủ tịch  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trương Công Thắng  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Phạm Hồng Sơn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Yên  
Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2024, được trình bày bày từ trang 5 đến trang 50.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00976-24-01



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024





**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>22.535.021.988.601</b>	<b>22.684.525.282.669</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.760.812.990.981</b>	<b>4.200.983.420.980</b>
Tiền	111		28.339.741.525	5.548.622.795
Các khoản tương đương tiền	112		4.732.473.249.456	4.195.434.798.185
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.503.875.585.603</b>	<b>880.027.122.282</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	1.993.875.585.603	800.427.122.282
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	1.510.000.000.000	79.600.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.443.070.511.865</b>	<b>16.745.263.698.531</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	1.015.984.454.739	593.422.840.598
Trả trước cho người bán	132		20.171.061.039	14.723.370.604
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	3.299.000.000.000	5.970.261.432.792
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	9.107.914.996.087	10.166.856.054.537
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>819.118.075.682</b>	<b>844.368.276.133</b>
Hàng tồn kho	141		832.707.971.816	857.030.947.820
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.589.896.134)	(12.662.671.687)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.144.824.470</b>	<b>13.882.764.743</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.144.824.470	13.882.764.743

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>14.542.439.745.668</b>	<b>8.918.705.752.645</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.419.006.111.721</b>	<b>3.284.000.001</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	5.419.006.111.721	3.284.000.001
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.899.794.095</b>	<b>46.927.809.280</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	21.803.127.155	17.348.632.145
Nguyên giá	222		68.810.791.963	100.984.987.645
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.007.664.808)	(83.636.355.500)
Tài sản cố định vô hình	227	11	11.096.666.940	29.579.177.135
Nguyên giá	228		292.732.233.096	290.707.083.296
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(281.635.566.156)	(261.127.906.161)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>9.631.238.976</b>	<b>10.056.248.115</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	9.631.238.976	10.056.248.115
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.716.171.509.348</b>	<b>8.640.671.509.348</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	5(c)	8.716.171.509.348	8.640.671.509.348
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>364.731.091.528</b>	<b>217.766.185.901</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.120.720.180	21.878.254.990
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	347.610.371.348	195.887.930.911
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>37.077.461.734.269</b>	<b>31.603.231.035.314</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>10.272.792.365.522</b>	<b>7.835.241.626.250</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.246.018.912.749</b>	<b>7.807.945.075.464</b>
Phải trả người bán	311	15	1.961.470.231.319	1.920.517.555.938
Người mua trả tiền trước	312		57.864.531.253	50.028.319.561
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	271.400.437.740	97.183.412.979
Phải trả người lao động	314		93.460.031	2.377.655
Chi phí phải trả	315	17	1.957.818.189.550	1.170.414.671.893
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	152.372.062.856	90.798.737.438
Vay ngắn hạn	320	19	5.845.000.000.000	4.479.000.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.773.452.773</b>	<b>27.296.550.786</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	26.773.452.773	27.296.550.786
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>26.804.669.368.747</b>	<b>23.767.989.409.064</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>26.804.669.368.747</b>	<b>23.767.989.409.064</b>
Vốn cổ phần	411	21	7.274.618.790.000	7.274.618.790.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	3.610.328.815.858	3.610.328.815.858
Cổ phiếu quỹ	415	21	(994.666.327.121)	(994.666.327.121)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.914.388.090.010	13.877.708.130.327
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		10.653.248.920.827	8.493.873.482.072
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		6.261.139.169.183	5.383.834.648.255
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>37.077.461.734.269</b>	<b>31.603.231.035.314</b>

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:

  
Phan Thị Thủy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  
Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	27.545.495.830.023	26.327.777.782.067
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	139.821.133.893	190.525.295.390
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>27.405.674.696.130</b>	<b>26.137.252.486.677</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	21.275.838.726.581	20.479.845.874.600
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>6.129.835.969.549</b>	<b>5.657.406.612.077</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.401.072.803.761	5.007.520.495.130
Chi phí tài chính	22	27	333.866.248.227	208.231.564.844
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		302.670.803.869	166.463.153.474
Chi phí bán hàng	25	28	5.060.228.851.210	4.297.323.193.283
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	574.907.192.073	511.222.701.408
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>6.561.906.481.800</b>	<b>5.648.149.647.672</b>
Thu nhập khác	31		1.993.185.566	696.689.728
Chi phí khác	32		56.714.066	3.026.076.711
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.936.471.500</b>	<b>(2.329.386.983)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>6.563.842.953.300</b>	<b>5.645.820.260.689</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	454.426.224.554	196.992.138.815
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>31</b>	<b>(151.722.440.437)</b>	<b>64.993.473.619</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>6.261.139.169.183</b>	<b>5.383.834.648.255</b>

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:

  
Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  
Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>6.563.842.953.300</b>	<b>5.645.820.260.689</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	25.749.863.757	40.186.081.715
Các khoản dự phòng	03	40.432.723.338	37.667.716.245
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	14.463.337	(185.643.870)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(1.060.531.681)	(377.000.000)
Thu nhập lãi, lợi nhuận được phân phối và thu nhập liên quan từ các hoạt động đầu tư	05	(6.374.946.265.629)	(4.997.478.651.592)
Chi phí lãi vay	06	302.670.803.869	166.463.153.474
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>556.704.010.291</b>	<b>892.095.916.661</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(431.452.515.159)	(155.405.595.576)
Biến động hàng tồn kho	10	(15.182.522.887)	(233.299.956.392)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	917.648.907.988	(2.454.407.168.962)
Biến động chi phí trả trước	12	12.606.248.054	(1.459.309.976)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(1.193.448.463.321)	(800.427.122.282)
		<b>(153.124.335.034)</b>	<b>(2.752.903.236.527)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(313.973.439.486)	(155.149.686.768)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(291.591.153.795)	(270.794.734.904)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(758.688.928.315)</b>	<b>(3.178.847.658.199)</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(16.406.142.670)	(34.633.947.673)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.278.170.407	377.000.000
Tiền chi cho vay	23	(490.000.000.000)	(481.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(17.465.237.815.035)	(6.794.600.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	300.000.000.000	291.000.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	11.345.537.815.035	1.350.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(75.500.000.000)	(379.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty con	26	-	200.000.000.000
Tiền thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, các hoạt động đầu tư khác và lợi nhuận được phân phối	27	6.572.959.493.827	4.431.265.599.217
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>172.631.521.564</b>	<b>(1.416.591.348.456)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	56.455.185.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	17.520.000.000.000	14.486.261.760.711
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(16.154.000.000.000)	(15.086.260.554.027)
Tiền chi trả cổ tức	36	(220.097.832.173)	(204.835.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.145.902.167.827</b>	<b>(543.748.443.316)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>559.844.761.076</b>	<b>(5.139.187.449.971)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.200.983.420.980</b>	<b>9.340.198.391.379</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>(15.191.075)</b>	<b>(27.520.428)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>4.760.812.990.981</b>	<b>4.200.983.420.980</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Thu hồi các khoản cho vay và lãi phải thu thông qua việc cản trừ với cổ tức phải trả	3.002.364.736.327	-
Chuyển đổi số dư lãi phải thu thành nợ gốc khoản phải thu về cho vay	-	1.693.679.561.200

Ngày 1 tháng 3 năm 2024


Người lập:

  
Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

  
Huỳnh Việt Thăng  
Giám đốc Tài chính



  
Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



## **Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Các hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình; và cung cấp dịch vụ phân phối theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc của Công ty**

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-MSK của các cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án sáp nhập Công ty vào Công ty TNHH MasanConsumerHoldings, công ty mẹ của Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc sáp nhập vẫn chưa diễn ra.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 1.514 nhân viên (1/1/2023: 1.378 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(iii) Đầu tư vào các công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

042

NHÀ  
TỶ  
M  
HỒ

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy tính**

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

**(ii) Nhãn hiệu**

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn chủ sở hữu**

**(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)***

*Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

*Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu về cho vay và các hoạt động đầu tư khác, lợi nhuận được phân phối từ các công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được phân phối từ các công ty con được xác lập. Lợi nhuận được phân phối liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Tiền mặt	376.351.002	396.768.329
Tiền gửi ngân hàng	27.963.390.523	5.151.854.466
Các khoản tương đương tiền	4.732.473.249.456	4.195.434.798.185
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</b>	<b>4.760.812.990.981</b>	<b>4.200.983.420.980</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

**5. Đầu tư tài chính**

	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Chứng khoán kinh doanh (a)	1.993.875.585.603	800.427.122.282
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	1.510.000.000.000	79.600.000.000
	<b>3.503.875.585.603</b>	<b>880.027.122.282</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào các công ty con (c)	8.716.171.509.348	8.640.671.509.348



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023				1/1/2023			
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Trái phiếu doanh nghiệp do các bên thứ ba phát hành	9.510.200	1.993.875.585.603	-	(*)	8.000.000	800.427.122.282	-	(*)

Công ty mua các trái phiếu này với mục đích kinh doanh trong một khoảng thời gian ngắn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại là từ 8 tháng đến 22 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất từ 10% - 13,78%/năm. Một số trái phiếu trong các trái phiếu này được đảm bảo bởi tài sản của bên thứ ba. Công ty có cam kết từ một bên liên quan sẽ mua lại một số trái phiếu trước thời điểm cuối tháng 1 năm 2024 và việc mua lại này đã được thực hiện trong tháng 1 năm 2024 theo cam kết này. Đối với các trái phiếu còn lại, Công ty có cam kết khác từ bên liên quan này sẽ mua lại số trái phiếu trước ngày 12 tháng 4 năm 2024.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ.





**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.510.000.000.000	79.600.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(c) Đầu tư vào các công ty con**

	31/12/2023		1/1/2023	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (i)	100%	3.671.400.009.348	100%	3.595.900.009.348
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (ii)	100%	4.315.000.000.000	100%	4.315.000.000.000
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited (iii)	99,99%	64.771.500.000	99,99%	64.771.500.000
▪ Công ty TNHH Masan HPC (iv)	100%	605.000.000.000	100%	605.000.000.000
▪ Công ty TNHH Masan Innovation (v)	100%	60.000.000.000	100%	60.000.000.000
		<u>8.716.171.509.348</u>		<u>8.640.671.509.348</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con có thể khác với giá trị ghi sổ.

Không có khoản dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 2022.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan có 10 công ty con, bao gồm (1) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), (2) Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), (3) Công ty Cổ phần Masan PQ (“MPQ”), (4) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), (5) Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), (6) Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), (7) Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc (“NPQ”), (8) Công ty TNHH Masan Long An (“MLA”), (9) Công ty TNHH Masan HN (“HNF”) và (10) Công ty TNHH Masan HG 2 (“MH2”). Các công ty con này, ngoại trừ MLA, HNF và MH2, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, MLA, HNF và MH2 vẫn chưa đi vào hoạt động. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (ii) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 4 công ty con, bao gồm (1) Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), (2) Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHC”), (3) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“KRP”) và (4) Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). Các công ty con này là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (iii) Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) là một công ty thương mại và phân phối các sản phẩm của Công ty tại Thái Lan. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty con này.
- (iv) Công ty TNHH Masan HPC (“HPC”) có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“NET”). NET là một công ty sản xuất sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình và phân phối sản phẩm của mình trực tiếp ra thị trường và thông qua Công ty. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (v) Công ty TNHH Masan Innovation (“INV”) có 2 công ty con, bao gồm (1) Công ty TNHH Hi-Fresh (“HIF”) và (2) Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro (“JPR”). HIF điều hành các cửa hàng bán lẻ để bán các sản phẩm tiêu dùng cho khách hàng. JPR cung cấp dịch vụ giặt ủi. Do thay đổi trong định hướng kinh doanh, trong tháng 6 năm 2023, Chủ tịch của Công ty TNHH Masan Innovation, công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty, đã phê duyệt quyết định về việc giải thể HIF. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, việc giải thể đã hoàn tất. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Các công ty con khác được thành lập tại Việt Nam.

Biến động của khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	8.640.671.509.348	8.461.671.509.348
Tăng trong năm	75.500.000.000	379.000.000.000
Giảm trong năm	-	(200.000.000.000)
Số dư cuối năm	8.716.171.509.348	8.640.671.509.348

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Phải thu từ các bên liên quan	809.595.127.405	370.196.506.412
Phải thu từ các bên thứ ba	206.389.327.334	223.226.334.186
	<hr/>	<hr/>
	1.015.984.454.739	593.422.840.598

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

**7. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan	3.299.000.000.000	5.970.261.432.792

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm theo thỏa thuận trong từng hợp đồng. Các khoản cho vay này đáo hạn trong tháng 12 năm 2024. Lãi cho vay được thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày hoàn trả hoặc ngày đáo hạn của các khoản cho vay này. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lợi nhuận được phân phối phải thu	3.886.484.273.753	4.506.802.740.225
▪ Lãi dự thu ngắn hạn từ cho vay (i)	253.675.616.434	-
▪ Ký quỹ ngắn hạn (ii)	67.199.190.493	54.871.988.576
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	4.680.000.000.000	5.365.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	197.006.383.561	189.047.876.706
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng và chứng khoán kinh doanh	18.501.174.589	19.513.143.139
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	2.309.650.000	30.196.784.670
Phải thu khác	2.738.707.257	1.423.521.221
	9.107.914.996.087	10.166.856.054.537

- (i) Các khoản phải thu này phản ánh khoản lãi dự thu từ các khoản vay cấp cho các bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 7 và Thuyết minh 32 để biết thêm thông tin.
- (ii) Ký quỹ ngắn hạn phản ánh khoản đặt cọc với một bên liên quan cho việc thuê kho.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các khoản đặt cọc dài hạn cho các hoạt động đầu tư khác (iii)	5.374.300.000.000	-
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác (iii)	20.579.780.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	24.126.331.721	3.284.000.001
	5.419.006.111.721	3.284.000.001

- (iii) Các khoản phải thu này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba này cam kết trả cho Công ty mức lợi nhuận tối thiểu theo thỏa thuận trong từng hợp đồng hợp tác đầu tư.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi đường	72.756.267.583	-	59.426.059.440	-
Nguyên vật liệu	99.567.825.347	(5.976.097.413)	95.926.720.526	(2.219.508.902)
Công cụ và dụng cụ	792.051.557	-	2.466.571.123	-
Thành phẩm	86.702.557.250	(925.260.985)	55.682.413.972	(942.320.432)
Hàng hóa	572.889.270.079	(6.688.537.736)	640.430.391.759	(9.500.842.353)
Hàng gửi đi bán	-	-	3.098.791.000	-
	<b>832.707.971.816</b>	<b>(13.589.896.134)</b>	<b>857.030.947.820</b>	<b>(12.662.671.687)</b>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Số dư đầu năm	12.662.671.687	26.649.059.337
Tăng dự phòng trong năm	40.541.338.163	37.694.612.491
Sử dụng dự phòng trong năm	(39.505.498.891)	(51.654.103.895)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(108.614.825)	(26.896.246)
Số dư cuối năm	<b>13.589.896.134</b>	<b>12.662.671.687</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 13.590 triệu VND (1/1/2023: 12.663 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	52.322.721.945	4.685.676.671	15.281.844.144	28.694.744.885	100.984.987.645
Tăng trong năm	-	358.400.200	-	-	358.400.200
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.792.475.582	4.569.079.738	194.381.978	9.555.937.298
Thanh lý	(19.466.337.742)	(32.000.000)	(1.080.521.596)	(1.197.835.806)	(21.776.695.144)
Xóa sổ	(20.311.838.036)	-	-	-	(20.311.838.036)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.544.546.167</b>	<b>9.804.552.453</b>	<b>18.770.402.286</b>	<b>27.691.291.057</b>	<b>68.810.791.963</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	52.322.721.945	3.457.435.236	5.735.352.202	22.120.846.117	83.636.355.500
Khấu hao trong năm	-	619.548.150	2.275.285.137	2.347.370.475	5.242.203.762
Thanh lý	(19.466.337.742)	(32.000.000)	(1.080.521.596)	(980.197.080)	(21.559.056.418)
Xóa sổ	(20.311.838.036)	-	-	-	(20.311.838.036)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.544.546.167</b>	<b>4.044.983.386</b>	<b>6.930.115.743</b>	<b>23.488.019.512</b>	<b>47.007.664.808</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	-	1.228.241.435	9.546.491.942	6.573.898.768	17.348.632.145
Số dư cuối năm	-	5.759.569.067	11.840.286.543	4.203.271.545	21.803.127.155

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 37.580 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 64.934 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Nhãn hiệu VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	290.070.719.660	636.363.636	290.707.083.296
Tăng trong năm	208.820.000	-	208.820.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.816.329.800	-	1.816.329.800
Số dư cuối năm	292.095.869.460	636.363.636	292.732.233.096
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	260.491.542.525	636.363.636	261.127.906.161
Khấu hao trong năm	20.507.659.995	-	20.507.659.995
Số dư cuối năm	280.999.202.520	636.363.636	281.635.566.156
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	29.579.177.135	-	29.579.177.135
Số dư cuối năm	11.096.666.940	-	11.096.666.940

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 258.975 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 13.049 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023 VND</b>
Số dư đầu năm	10.056.248.115
Tăng trong năm	13.058.030.930
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.555.937.298)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.816.329.800)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.110.772.971)
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.631.238.976

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Máy móc và thiết bị	4.758.101.076	5.479.158.751
Khác	4.873.137.900	4.577.089.364
	<hr/>	<hr/>
	9.631.238.976	10.056.248.115

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>
Số dư đầu năm	21.878.254.990
Tăng trong năm	18.036.562.440
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.110.772.971
Phân bổ trong năm	(24.378.600.061)
Thanh lý	(526.270.160)
	<hr/>
Số dư cuối năm	17.120.720.180

#### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	275.012.184.841	152.534.227.134
Chi phí kho vận phải trả	19.743.801.488	17.253.390.773
Chiết khấu thương mại phải trả	9.023.342.566	9.889.377.519
Chi phí phải trả khác	43.831.042.453	16.210.935.485
	<hr/> 347.610.371.348	<hr/> 195.887.930.911

#### 15. Phải trả người bán

	31/12/2023 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2023 Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	1.762.372.924.260	1.779.573.106.709
Phải trả các bên thứ ba	199.097.307.059	140.944.449.229
	<hr/> 1.961.470.231.319	<hr/> 1.920.517.555.938

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong 90 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/Hoàn lại VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	26.975.117.907	2.618.345.042.837	(144.406.503.352)	(2.463.976.756.002)	36.936.901.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.608.528.602	454.426.224.554	(291.591.153.795)	-	228.443.599.361
Thuế thu nhập cá nhân	4.557.020.337	102.616.557.849	(90.196.672.211)	(11.210.630.128)	5.766.275.847
Các loại thuế khác	42.746.133	40.322.461.203	(40.111.546.194)	-	253.661.142
	97.183.412.979	3.215.710.286.443	(566.305.875.552)	(2.475.187.386.130)	271.400.437.740

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	1.375.060.924.203	762.671.135.672
Thưởng và lương tháng 13	137.770.515.467	107.610.192.940
Chi phí trưng bày	105.239.342.264	30.866.532.380
Chi phí kho vận	98.719.007.442	86.266.953.864
Phải trả mua hàng hóa	70.362.156.376	61.746.112.358
Chiết khấu thương mại	45.116.712.831	49.446.887.596
Chi phí công nghệ thông tin	36.874.662.212	23.662.966.359
Chi phí lãi vay	11.260.178.079	22.562.813.696
Chi phí nghiên cứu thị trường	11.072.022.038	6.997.977.043
Chi phí khác	66.342.668.638	18.583.099.985
	<b>1.957.818.189.550</b>	<b>1.170.414.671.893</b>

**18. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	48.033.250.000	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.032.065.855	6.330.259.562
Cổ tức phải trả	6.678.110.100	4.681.469.100
Phải trả khác	95.628.636.901	79.787.008.776
	<b>152.372.062.856</b>	<b>90.798.737.438</b>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	26.773.452.773	27.296.550.786

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vay ngắn hạn**

	Giá trị ghi sổ VND	1/1/2023	Biến động trong năm		31/12/2023	Số có khả năng trả nợ VND
		Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	
Vay ngắn hạn	4.479.000.000.000	4.479.000.000.000	17.520.000.000.000	(16.154.000.000.000)	5.845.000.000.000	5.845.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	2,8% – 4,1%	5.845.000.000.000	4.479.000.000.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(994.666.327.121)	8.493.873.482.072	18.327.699.575.809
Phát hành cổ phiếu	6.680.610.000	49.774.575.000	-	-	56.455.185.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.383.834.648.255	5.383.834.648.255
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	13.877.708.130.327	23.767.989.409.064
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.261.139.169.183	6.261.139.169.183
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(3.224.459.209.500)	(3.224.459.209.500)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	7.274.618.790.000	3.610.328.815.858	(994.666.327.121)	16.914.388.090.010	26.804.669.368.747



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 21. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	727.461.879	7.274.618.790.000	727.461.879	7.274.618.790.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	10.915.388	994.666.327.121
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		3.610.328.815.858		3.610.328.815.858

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm				
– hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	715.878.430	7.158.784.300.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	668.061	6.680.610.000
Số dư cuối năm				
– hiện đang lưu hành	716.546.491	7.165.464.910.000	716.546.491	7.165.464.910.000

## 22. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và Hội đồng Quản trị của Công ty lần lượt vào ngày 24 tháng 4 năm 2023 và ngày 7 tháng 7 năm 2023 đã thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 3.224.459 triệu VND (2022: không).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	123.056.905.548	51.350.800.733
Trong vòng 2 đến 5 năm	160.257.108.831	23.035.920.000
	<b>283.314.014.379</b>	<b>74.386.720.733</b>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	25.078.315.274	7.372.187.527
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	22.522.796.589	2.696.498.216
	<b>47.601.111.863</b>	<b>10.068.685.743</b>

**(c) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	1.032.872	24.892.206.283	84.667	1.982.058.684

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	27.480.733.505.435	26.322.035.569.862
▪ Doanh thu khác và cung cấp dịch vụ	64.762.324.588	5.742.212.205
	27.545.495.830.023	26.327.777.782.067
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	85.435.343.361	82.995.484.789
▪ Hàng bán bị trả lại	54.385.790.532	107.529.810.601
	139.821.133.893	190.525.295.390
Doanh thu thuần	27.405.674.696.130	26.137.252.486.677

	2023 VND	2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán	21.235.406.003.243	20.442.178.158.355
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	40.432.723.338	37.667.716.245
	21.275.838.726.581	20.479.845.874.600



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Lợi nhuận được phân phối từ các công ty con	5.051.818.630.927	4.346.526.609.804
Lãi tiền gửi ngân hàng, chứng khoán kinh doanh và hoạt động đầu tư khác	926.437.755.829	372.104.822.875
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên liên quan vay	394.778.919.969	278.847.218.913
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên thứ ba vay	1.910.958.904	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	26.126.538.132	10.041.843.538
	<hr/> 6.401.072.803.761	<hr/> 5.007.520.495.130 <hr/>

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	302.670.803.869	166.463.153.474
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.569.201.355	25.103.881.773
Chi phí khác	15.626.243.003	16.664.529.597
	<hr/> 333.866.248.227	<hr/> 208.231.564.844 <hr/>



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	3.574.166.789.532	2.878.548.050.159
Chi phí kho vận	726.286.713.810	800.947.226.798
Chi phí nhân viên	465.391.456.455	447.748.184.436
Chi phí trung bày	160.955.638.969	45.816.632.628
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	27.770.287.131	48.842.622.142
Chi phí nghiên cứu thị trường	42.710.529.037	13.647.960.852
Chi phí khác	62.947.436.276	61.772.516.268
	<b>5.060.228.851.210</b>	<b>4.297.323.193.283</b>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	277.803.557.518	266.475.966.897
Chi phí thuê văn phòng	53.415.285.476	68.122.834.206
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	72.378.776.519	56.636.893.232
Chi phí nghiên cứu và phát triển	49.672.587.934	38.241.793.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.843.076.218	22.597.387.527
Chi phí khác	107.793.908.408	59.147.825.710
	<b>574.907.192.073</b>	<b>511.222.701.408</b>

**30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí hàng hóa và thành phẩm đã bán	21.235.406.003.243	20.442.178.158.354
Chi phí nhân viên	743.195.013.973	714.224.151.333
Chi phí khấu hao	25.749.863.757	40.186.081.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.710.207.612.538	3.950.804.013.853
Chi phí khác	196.416.276.353	140.999.364.036

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	454.426.224.554	196.992.138.815
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(151.722.440.437)	64.993.473.619
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>302.703.784.117</b>	<b>261.985.612.434</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	6.563.842.953.300	5.645.820.260.689
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.312.768.590.660	1.129.164.052.138
Thu nhập không chịu thuế	(1.010.363.726.185)	(869.305.321.961)
Chi phí không được khấu trừ thuế	298.919.642	2.126.882.257
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>302.703.784.117</b>	<b>261.985.612.434</b>

(\*) Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty bao gồm 5.051.819 triệu VND (2022: 4.346.527 triệu VND) lợi nhuận được phân phối từ các công ty con không chịu thuế.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian cũng như từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.



### 32. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa và dịch vụ	137.082.611	203.421.872	-	18.881.346
	Phí hỗ trợ quản lý	882.162.425	6.961.885.607	-	10.088.159.277
	Phân bổ phí dịch vụ	11.372.386.989	-	(11.288.691.491)	-
<b>Các công ty mẹ cấp cao</b>					
Công ty TNHH The Sherpa	Bán hàng hóa	26.123.151	-	17.160.001	-
Công ty Cổ phần The CrownX	Bán hàng hóa	88.863.896	-	97.750.286	-
	Mua dịch vụ	19.177.897.430	-	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	6.184.540.884	-	(6.679.304.155)
<b>Công ty mẹ</b>					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức đã công bố	3.021.089.152.500	-	-	-
	Cổ tức đã trả thông qua việc cản trừ với các khoản cho vay và lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan	3.002.364.736.327	-	-	-
	Cổ tức đã trả bằng tiền	18.724.416.173	-	-	-



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Các công ty con</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Phân phối lợi nhuận	4.943.570.174.513	4.281.703.539.804	3.778.235.817.339	4.506.802.740.225
	Góp vốn	75.500.000.000	349.500.000.000	-	-
	Giảm vốn	-	200.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Masan Innovation	Góp vốn	-	29.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Masan HPC	Phân phối lợi nhuận	47.964.654.792	58.518.150.000	47.964.654.792	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	114.723.227.378	101.237.611.022	-	-
	Mua hàng hóa	1.990.467.436.971	1.981.670.061.868	(184.318.041.774)	(160.111.502.850)
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Bán hàng hóa	298.425.553.549	279.965.616.513	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.632.627.899.572	5.588.209.800.975	(272.161.722.194)	(130.853.574.311)
	Cho vay	190.000.000.000	898.243.410.521	1.699.000.000.000	2.984.825.282.113
	Thu nhập lãi cho vay	198.456.041.308	139.620.424.395	125.675.616.437	-
	Phí hỗ trợ quản lý	376.687.368	62.941.589	(406.822.357)	(67.590.811)
	Thu hồi khoản cho vay và lãi cho vay phải thu thông qua việc cần trừ với cổ tức phải trả	1.548.605.706.984	-	-	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	250.677.222.268	242.713.830.983	-	-
	Mua hàng hóa	5.833.256.327.882	5.259.612.198.967	(264.180.518.295)	(380.597.471.566)
	Cho vay	-	985.436.150.679	1.600.000.000.000	2.985.436.150.679
	Thu nhập lãi cho vay	196.322.878.661	129.999.999.998	127.999.999.997	-
	Thu hồi khoản cho vay và lãi cho vay phải thu thông qua việc cần trừ với cổ tức phải trả	1.453.759.029.343	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	Bán hàng hóa	196.539.987.782	129.200.164.379	-	-
	Mua hàng hóa	3.388.478.792.457	2.335.612.071.870	(238.567.718.287)	(401.208.775.828)
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Bán hàng hóa	2.287.600	11.804.068	-	6.305.753
Công ty Cổ phần Masan PQ	Bán hàng hóa	17.531.807	4.974.082	-	-
	Mua hàng hóa	44.542.800	194.503.560	-	(208.521.844)
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	Bán hàng hóa	1.159.264.346	1.522.863.910	-	-
	Mua hàng hóa	117.041.020.192	86.425.569.590	(40.318.832.834)	(43.200.305.978)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Phân phối lợi nhuận	60.283.801.622	6.304.920.000	60.283.801.622	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	65.285.472.416	50.075.265.565	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.018.909.427.383	1.865.485.884.596	(307.863.278.749)	(382.201.922.442)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Bán hàng hóa	286.141.253	118.967.091	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	470.523.034.354	493.369.145.751	(65.696.101.027)	(25.649.750.928)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	86.863.312	87.123.215	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	244.886.322.986	258.746.205.469	(54.943.741.944)	(54.825.739.012)
Masan Consumer (Thailand) Limited	Bán hàng hóa	45.313.834.169	56.784.491.291	16.346.435.761	-
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Bán hàng hóa	35.149.077.903	68.153.079.512	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	441.400.060.021	236.467.719.634	(50.191.064.962)	(59.286.912.372)
	Mua hộ nguyên vật liệu	-	63.983.041.871	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	3.996.446.998	-	-	-
Công ty TNHH Hi-Fresh	Bán hàng hóa	-	81.501.177	-	715.515
Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên Nghiệp Joins Pro	Bán hàng hóa	151.511.545	14.585.181	158.540.200	16.043.699



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Các bên liên quan khác</b>					
Công ty Cổ phần Masan JinJu và chi nhánh (công ty con của Công ty tới tháng 9 năm 2022)	Bán hàng hóa	7.423.644.865	7.897.106.238	-	-
	Cung cấp dịch vụ phân phối	60.893.605.576	-	-	-
	Phải trả tiền bán hàng thu hộ của dịch vụ phân phối	-	-	(269.362.001.707)	-
	Phí hỗ trợ bán hàng và giao hàng của dịch vụ phân phối	92.907.267.069	-	-	-
	Mua hàng hóa	196.823.871	1.566.495.220.926	(99.716.423)	(130.267.562.017)
	Cho vay	-	291.000.000.000	-	-
	Thu hồi khoản cho vay bằng tiền	-	291.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	-	9.226.794.520	-	-
	Mua tài sản cố định	420.913.690	-	(463.005.059)	-
	Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	-	1.392.392	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	34.363.397	6.877.823.784	-	3.086.982.491
	Mua hàng hóa	917.852.302	7.705.937.705	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	54.527.767.767	35.540.419.406	59.202.736.386	43.423.973.251
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	197.070.250	2.509.022.069	32.819.972	12.517.422
	Mua hàng hóa	2.982.000	834.620	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	-	-	-	2.654.132.879
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	121.575.798	55.737.068	15.179.972	12.191.338



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Masan Brewery MB	Đặt cọc thuê kho Mua dịch vụ	12.327.201.917 4.536.000.000	54.871.988.576 -	67.199.190.493 (2.289.836.809)	54.871.988.576 -
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa Phí hỗ trợ quản lý	28.951.509 21.867.558.287	35.686.364 40.311.911.535	2.178.000 24.054.314.116	5.576.728 44.338.995.834
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Phí hỗ trợ quản lý	-	377.092.445	-	73.923.379
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Phí hỗ trợ quản lý	112.735.556 411.218.936 -	1.191.782.999 132.313.771 3.879.530.906	- (397.587.600) -	79.417.000 - 1.991.201.521
Công ty TNHH MEATDeli HN	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Phí hỗ trợ quản lý	95.926.205 20.648.950 -	1.522.457.239 - 2.736.380.953	174.339.055 - -	6.480.000 - 1.592.653.552
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Phí hỗ trợ quản lý	25.961.698 2.686.152 -	177.632.432 4.404.000 184.581.341	8.075.000 - -	6.949.390 - 147.846.759
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa Phí hỗ trợ quản lý	1.039.851.344 139.088.070	1.524.892.691 122.030.349	147.621.167 152.996.877	318.612.735 999.463.463

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.469.292.745.412	1.113.291.788.103	629.796.071.880	254.845.548.436
	Bán tài sản cố định	931.320.407	-	1.024.452.448	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	359.928.127.540	212.927.232.933	-	(3.498.316.480)
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	19.680.961.961	23.400.773.330	6.886.915.115	3.342.739.292
	Chiết khấu thanh toán và hỗ trợ bán hàng khác phải trả	23.101.616.176	19.166.264.098	-	-
	Phải thu thu hộ cho dịch vụ phân phối	-	-	67.572.186.586	-
	Phải thu khác	-	-	17.000.000	17.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco	Bán hàng hóa	-	-	-	7.572.247
	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	9.542.463	-	-
	Phân bổ tiền thuê văn phòng	703.008.870	811.032.816	234.007.780	74.344.675
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa	1.410.396.721	1.111.876.205	312.363.921	172.941.899
	Mua hàng hóa	1.476.424.549	7.986.469.535	(660.960.000)	(787.784.400)
	Phí hỗ trợ quản lý	1.438.215.492	1.889.883.833	1.553.272.731	2.041.074.540
Công ty Cổ phần Mobicast	Bán hàng hóa	-	9.238.570	-	9.977.656
	Mua dịch vụ	4.656.843.114	3.915.789.415	(221.830.348)	(132.898.031)
Công ty Cổ phần The Supra	Bán hàng hóa	238.214.559	126.046.020	23.389.399	13.376.167
	Mua dịch vụ	319.745.900	258.418.020	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.650.296.993	747.895.144	1.782.320.752	807.726.756

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2023 VND	2022 VND	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (*)	Mua chứng khoán kinh doanh	1.993.875.585.603	1.357.768.622.282	-	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	800.427.122.282	557.341.500.000	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt (**)	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	15.378.442.157	13.170.123.992	-	-

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty cũng có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank"), một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(\*\*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không nhận thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của các bên liên quan với giá trị ghi sổ là 1.018 tỷ VND (1/1/2023: 1.836 tỷ VND).



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong thủ lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng đã chi trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Họ tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
<i>Phí và thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên	-	-
<b>Ủy ban Kiểm toán</b>			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên	-	-
<b>Ban Giám đốc</b>			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	7.000.474.708	6.592.776.987

**33. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Trong tháng 12 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào tháng 4 năm 2023. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc phát hành cổ phiếu phổ thông theo ESOP đã hoàn tất.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.

Người lập:

  
Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán Trưởng

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người duyệt:

  
Huỳnh Việt Thắng  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến  
Đại diện theo ủy quyền



Công ty TNHH KPMG  
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72  
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## THƯ ỦY QUYỀN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2024

Kính gửi các cơ quan hữu quan,

Tôi, **WARRICK ANTONY CLEINE** ("**Người Ủy Quyền**"), Hộ chiếu số LT550250 cấp ngày 8 tháng 7 năm 2019 tại New Zealand, là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY TNHH KPMG** ("**Công ty**") có địa chỉ tại Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, và đồng thời là Người đứng đầu **Chi Nhánh Công Ty TNHH KPMG** ("**Chi nhánh**") có địa chỉ tại số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, bằng văn bản này ủy quyền cho cá nhân sau đây ("**Người Được Ủy Quyền**"):

- |   |          |                            |
|---|----------|----------------------------|
| - | Họ tên   | : NELSON RODRIGUEZ CASIHAN |
| - | Hộ chiếu |                            |
| + | Số       | : P8211209B                |
| + | Ngày cấp | : 20/11/2021               |
| + | Nơi cấp  | : Philippines              |
| - | Chức vụ  | : Phó Tổng Giám đốc        |

với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của tôi để ký kết các văn bản, giấy tờ sau đây, kể cả các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các văn bản, giấy tờ này:

- các hồ sơ/thư đề xuất dịch vụ, hồ sơ dự thầu, các thư thỏa thuận cung ứng dịch vụ và các hợp đồng cung cấp các dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 5.000.000.000VND (bằng chữ: năm tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch;
- các báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét và các báo cáo khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác; và
- các thư từ, trao đổi và thỏa thuận khác, bao gồm thư thỏa thuận với các nhà thầu thứ ba, có liên quan trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 2.000.000.000VND (bằng chữ: hai tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch (không áp dụng cho các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ nói chung của Công ty hoặc của Chi nhánh mà không liên quan trực tiếp đến việc cung cấp một dịch vụ kiểm toán và/hoặc một dịch vụ có liên quan khác).





Thư Ủy Quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, trừ trường hợp bị chấm dứt trước thời hạn hoặc được gia hạn thêm bởi thông báo khác bằng văn bản của tôi.

Thư Ủy Quyền này được lập thành năm (05) bản tiếng Việt và năm (05) bản tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Người Ủy Quyền



WARRICK ANTONY CLEINE

Người Được Ủy Quyền

NELSON RODRIGUEZ CASIHAN

Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính.

Số chứng thực.....001893.....Quyển số.....SCT/BS

Ngày.....03-03-2025.....

Trưởng phòng Tư pháp Quận 7



Nguyễn Thành Trung





## GIẤY ỦY QUYỀN

### BÊN ỦY QUYỀN:

Ông : **TRƯƠNG CÔNG THẮNG**

Chức danh : Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

### BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Bà : **NGUYỄN HOÀNG YẾN**

CCCD số : 001163038116, Ngày cấp: 07/06/2023, nơi cấp: Cục CS QL HC về TTXH.

### NỘI DUNG ỦY QUYỀN

**Điều 1.** Bên Ủy quyền theo đây ủy quyền cho Bên Nhận ủy quyền và Bên Nhận ủy quyền đồng ý nhận ủy quyền thực hiện các công việc sau:

STT	Lĩnh vực	Diễn giải
1	Tài chính – Ngân hàng	<p>1.1. Toàn quyền quản lý, điều hành và sử dụng tài khoản tại Ngân hàng theo chính sách/quy định chung của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền sau:</p> <p>1.1.1. Thực hiện các yêu cầu mở tài khoản, đóng tài khoản và thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến mở tài khoản tại các Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn: thay đổi thông tin tài khoản, thông tin dịch vụ ngân hàng điện tử; truy vấn thông tin giao dịch liên quan đến các tài khoản; thay đổi thông tin liên quan hồ sơ pháp lý như thay đổi giấy phép kinh doanh, điều lệ, thay đổi mẫu dấu, ...);</p> <p>1.1.2. Ký kết các Hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tất cả các dịch vụ tài khoản (bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ thẻ, SMS, dịch vụ ngân hàng điện tử, giao dịch qua Fax/Email, công văn phí giao dịch ngân hàng, ...)</p> <p>1.1.3. Ký kết các Hợp đồng trả lương, Hợp đồng/thỏa thuận dịch vụ/gói giải pháp tại Ngân hàng;</p> <p>1.1.4. Ký kết và phê duyệt các đề nghị trả nợ trước hạn/đến hạn khoản vay, trích tiền từ tài khoản thanh toán để trả nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí khác;</p>



	<p>1.1.5. Ký kết các công văn yêu cầu cung cấp hay xác nhận số dư với Ngân hàng; đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư với Khách hàng, nhà cung cấp, Bên liên quan theo yêu cầu của Kiểm toán hay cơ quan chức năng.</p>
	<p>1.2. Ký kết các Hợp đồng mua bán ngoại tệ (spot, swap, hedging, option, future, ...) theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
	<p>1.3. Ký kết và thực hiện các Hợp đồng tiền gửi, các thư rút trước hạn hợp đồng tiền gửi – không kể giá trị/loại tiền/kỳ hạn theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
	<p>1.4. Ký kết các hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
	<p>1.5. Ký kết các biên bản định giá/tái định giá tài sản thế chấp, các biên bản bàn giao chứng từ cầm cố thế chấp, các báo cáo cập nhật tình hình tài sản thế chấp khi Ngân hàng yêu cầu; các chứng từ đăng ký giao dịch đảm bảo với cơ quan chức năng;</p>
	<p>1.6. Ký kết các hợp đồng tín dụng lần đầu cấp hạn mức và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) được phê duyệt theo Nghị quyết/Quyết định, quy chế công ty; ký kết các hợp đồng liên quan định kỳ gia hạn hàng năm để bổ sung vốn lưu động nếu hạn mức không đổi theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
	<p>1.7. Ký kết các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ liên quan đến tín dụng, vay vốn (bao gồm phát hành thư tín dụng, phát hành thư bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ, giấy nhận nợ, gia hạn nợ, thay đổi lãi suất, ...); liên quan đến cầm cố thế chấp tài sản theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
	<p>1.8. Ký kết và tái ký định kỳ hàng năm các hợp đồng khung liên quan chương trình Ngân hàng hỗ trợ nhà phân phối, nhà cung cấp theo chính sách/quy định chung của Công ty;</p>
	<p>1.9. Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với Ngân hàng (nếu có);</p>
	<p>1.10. Ký kết các báo cáo định kỳ hàng quý cung cấp cho Ngân hàng để xếp hạng tín dụng;</p>
	<p>1.11. Ký các công văn, giấy tờ, báo cáo liên quan đến Tài chính (như Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính soát xét và kiểm toán, ...); và thư từ khác gửi đến cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này.</p>
	<p>1.12. Chứng thực bản sao từ bản chính các tài liệu cung cấp cho Ngân hàng theo đúng quy định của Pháp luật và quy chế văn thư lưu trữ của Công ty.</p>
	<p>1.13. Ký các hồ sơ, giấy tờ liên quan tới: Các thủ tục đăng ký thuế, báo cáo thuế, thanh kiểm tra thuế bao gồm các tờ khai thuế, thông báo thuế, biên</p>

		bản làm việc, công văn giải trình và các thư từ khác gửi cơ quan có thẩm quyền liên quan đến các nội dung này;
		1.14. Ký các giấy tờ phát sinh từ hoặc liên quan đến việc xác nhận/đối chiếu giao dịch và/hoặc số dư công nợ với Nhà cung cấp, Khách hàng và các Bên liên quan; nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí, các khoản phạt hành chính với cơ quan nhà nước.
		1.15. Thực hiện và ký kết các tài liệu nội bộ liên quan đến vấn đề phê duyệt tài chính, thanh toán;
		1.16. Ký kết danh mục tài sản định kỳ hàng quý cung cấp cho Công ty Bảo Hiểm để cập nhật giá trị mua bảo hiểm rủi ro hàng tồn kho và tài sản;
		1.17. Ký các hợp đồng, hồ sơ, chứng từ giao dịch khác tại Ngân hàng.
2	Ký Hợp đồng và hồ sơ, tài liệu	<p>2.1. Đại diện Bên ủy quyền ký kết các hợp đồng, thỏa thuận, hồ sơ chứng từ phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Ký hồ sơ, văn bản chào giá cạnh tranh, mời thầu, lựa chọn nhà thầu, duyệt giá, ... liên quan đến hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin của Công ty;</li> <li>b. Ký các hợp đồng thương mại – mua/bán hàng hóa, dịch vụ, công nghệ thông tin; hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; và tất cả các loại hợp đồng khác không kể giá trị;</li> <li>c. Ký hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác liên quan đến việc thực hiện hợp đồng (<i>biên bản giao nhận, nghiệm thu, thanh lý, tờ khai xuất nhập khẩu, ...</i>);</li> <li>d. Ký các công văn, giấy tờ (bao gồm các giấy tờ liên quan tới: Công bố thông tin; báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo kiểm toán, ...); thư từ, giấy giới thiệu, đơn, xin giấy phép, đăng ký sản phẩm; các hồ sơ, tài liệu, thủ tục liên quan đến nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả và các quyền sở hữu trí tuệ khác, quảng cáo, khuyến mại, vệ sinh an toàn thực phẩm; tờ khai xuất khẩu; sao y bản chính tài liệu và các văn bản hành chính khác;</li> <li>e. Ký các hợp đồng, tài liệu liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp của Công ty trong các doanh nghiệp khác và các hồ sơ đăng ký liên quan;</li> <li>f. Ký các cam kết với các đối tác, khách hàng.</li> </ul> <p>2.2. Thanh toán các nghĩa vụ Hợp đồng, thỏa thuận, các nghĩa vụ thuế, phí, các nghĩa vụ tài chính khác với các bên thứ Ba liên quan và/hoặc cơ quan Nhà nước.</p>
3	Lao động	Ký kết Hợp đồng lao động, các Quyết định tuyển dụng, chuyển chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, tạm đình chỉ công việc, nghỉ việc, chấm dứt Hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, cam kết minh bạch đối với nhân viên trong Công ty.
4	Đại diện làm việc với Bên Thứ ba	Đại diện làm việc, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại với đối tác, người tiêu dùng và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật; đưa ra các ý kiến, giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu; ký và đóng dấu công ty lên các văn bản trong quá trình làm việc với các Bên thứ ba nêu trên.
5	Khác	Ký và thực hiện các quyết định đầu tư tài sản cố định theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty.



		Các quyết định thanh lý, hủy tài sản cố định, hàng hóa, nguyên vật liệu: Theo thẩm quyền quy định trong quy chế nội bộ và Điều lệ Công ty.
--	--	---

**Điều 2:** Bên Nhận ủy quyền có trách nhiệm thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và theo chính sách/quy định chung của Công ty (nếu có), được phép ủy quyền lại nội dung Mục 1, Mục 2.1.a, 2.1.b, 2.1.c, 2.1.d, 2.1.f, Mục 4, Mục 5 Điều 1 cho Bên Thứ ba và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền lại trước Bên ủy Quyền.

**Điều 3:** Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2024 hoặc khi có Thông báo/Giấy ủy quyền thay thế hoặc hủy bỏ giấy ủy quyền này. Giấy ủy quyền được lập thành 03 (ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

  
**BÊN ỦY QUYỀN**  
  
**TRƯƠNG CÔNG THẮNG**

**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN**

  
**NGUYỄN HOÀNG YẾN**

